

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 15.023

*(Kèm theo Giấy chứng nhận số/GCN-SXD, ngày tháng 6 năm 2025
của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng)*

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
I	THỬ NGHIỆM SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG-VẬT LIỆU KẼ ĐƯỜNG PHẢN QUANG NHIỆT DẸO	
1	Xác định màu sắc	ASTM D6628-23
2	Thời gian khô	TCVN 2096:2015
3	Độ phát sáng, độ bền nhiệt, nhiệt độ hóa mềm, độ mài mòn, độ kháng chảy, khối lượng riêng	TCVN 8791:2011
4	Độ bám dính	ASTM D4541-22
5	Thí nghiệm thành phần hạt, độ tròn bi phản quang	BS 6088:1981
6	Độ bền va đập	AASHTO T250-22 (Section 14)
II	SƠN LÓT GIAO THÔNG SỬ DỤNG CHO SƠN KẼ ĐƯỜNG NHIỆT DẸO PHẢN QUANG	
1	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2020
2	Phương pháp thử cắt ô	TCVN 2097:2015
3	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100-2:2013
4	Xác định độ bền uốn	TCVN 2099:2013
II	LỚP VẬT LIỆU TÁI CHẾ NGUỘI TẠI CHỖ DỪNG CHO KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG Ô TÔ	
1	Hướng dẫn thiết kế hỗn hợp tái chế, xác định cường độ chịu nén, cường độ chịu nén còn lại	TCVN 13150-1:2020
2	Hướng dẫn thiết kế hỗn hợp tái chế, cường độ chịu nén, xác định khả năng tạo bọt của bitum	TCVN 13150-2:2020
3	Cường độ kéo khi ép chế ở 25°C, trạng thái khô	TCVN 8862:2011
III	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG SƠN KẼ ĐƯỜNG NHIỆT DẸO PHẢN QUANG	
1	Ngoại quan, kích thước hình học (chiều rộng, chiều dày, chiều dài), độ chống trượt, độ phản quang, độ mài mòn, độ phát sáng	TCVN 8791:2011
2	Độ bám dính	ASTM D4541-22
IV	LỚP VẬT LIỆU TÁI CHẾ NGUỘI TẠI CHỖ DỪNG CHO KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG Ô TÔ	

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
1	Thiết kế hỗn hợp tái chế, xác định cường độ chịu nén, cường độ chịu nén còn lại	TCVN 13150-1:2020
2	Thiết kế hỗn hợp tái chế, cường độ chịu nén, xác định khả năng tạo bọt của bitum	TCVN 13150-2:2020
3	Cường độ kéo khi ép chế ở 25°C, trạng thái khô	TCVN 8862:2011
V	BÊ TÔNG NHỰA CHẶT TÁI CHẾ NÓNG TẠI TRẠM TRỘN SỬ DỤNG VẬT LIỆU CŨ KHÔNG QUÁ 25%	
1	Thiết kế bê tông nhựa chặt tái chế nóng tại trạm trộn sử dụng vật liệu cũ không quá 25%	TCVN 13567-4:2024
VI	BĂNG CHẠM NƯỚC PVC	
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4866:2013
2	Xác định độ cứng Shore	TCVN 1595-1:2013
3	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN 4509:2020
4	Xác định tỉ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9407-3:2014
VII	SỢI THỦY TINH	
1	Xác định độ ẩm	TCVN 7739-1:2007
2	Xác định khối lượng dài	TCVN 7739-2:2007
3	Xác định hàm lượng chất kết dính	TCVN 7739-3:2007
4	Xác định đường kính trung bình	TCVN 7739-4:2007
5	Xác định độ xe của sợi	TCVN 7739-5:2007
6	Xác định lực kéo đứt và độ giãn đứt	TCVN 7739-6:2007
VIII	LỚP PHỦ MẶT KẾT CẤU XÂY DỰNG	
1	Kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012
IX	KIM LOẠI	
1	Thử nén bẹp ống kim loại	TCVN 1830:2008
2	Ống kim loại – phương pháp thử bằng áp lực dung dịch	TCVN 1832:2008
3	Kiểm tra khuyết tật mối hàn phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018
X	CỐT LIỆU	
1	Bê tông nhựa - Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
2	Cốt liệu cho bê tông và vữa – Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
XI	VẬT LIỆU COMPOSITE, VẬT LIỆU COMPOSITE POLIME	
1	Chất dẻo - Xác định tính chất kéo	TCVN 4501-5:2009

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
2	Vật liệu composite polime – Xác định lực kéo đứt trên đơn vị chiều rộng, xác định tính chất uốn, xác định độ bền trong môi trường nước, xác định độ bền trong môi trường muối và kiềm	TCVN 12583:2019
3	Composite chất dẻo gia cường sợi – Xác định các tính chất uốn	TCVN 10592:2014
4	Composite chất dẻo gia cường sợi – Xác định các tính chất nén trong mặt phẳng	TCVN 10593:2014
5	Chất dẻo – Xác định khối lượng riêng của chất dẻo không xốp	TCVN 6039-1:2008
XII	HỒ GA THOÁT NƯỚC BÊ TÔNG CỐT THÉP THÀNH MỎNG ĐÚC SẴN	
1	Nắp và song chắn rác – Xác định kích thước, khả năng chịu tải	TCVN 10333-3:2016

Ghi chú: (*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.
